TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/HS-ST
Ngày 28/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tưởng và ông Đỗ Mạnh Châm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Doanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 43/2019/TLST- HS ngày 26 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST- HS ngày 22/4/2019, đối với bị cáo:

TRẦN VĂN T , sinh ngày 21/11/1980, tại thành phố Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Tổ 10, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Trần Q và bà Nguyễn V; vợ: Chưa có; con: có 01 (trong thời gian chung sống như vợ chồng với chị Lưu M, bị cáo có 01 con chung với chị M là Lưu Trần Đ, sinh ngày 29/3/2012);

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 28/11/2017 Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Trần Văn T với thời gian là 12 tháng (ngày 01/10/2018 Tài chấp hành xong quyết định trên);

Nhân thân: Ngày 27/12/2004 Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (đã chấp hành xong).

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 19/12/2018 đến ngày 25/12/2018, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ 10, phường N, thành phố T. Có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị T2, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 10, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 15 phút ngày 19/12/2018 Trần Văn T đi xe mô tô biển kiểm soát 22HA- 00000 (xe mô tô T mượn của chị Trần Thị T2, là em gái của T). Khi đi T mang theo 03 gói nhỏ ma túy (theo T khai là Heroine) với mục đích đi tìm chỗ vắng người để sử dụng cho bản thân. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, T đi đến khu vực tổ 6, phường T, thành phố T thì bị tổ công tác Công an phường T, thành phố T phát hiện bắt quả tang cùng tang vật. Tiến hành xét nghiệm tìm chất ma túy đối với Trần Văn T, kết quả (+) dương tính (trong cơ thể T có chứa chất ma túy).

Quá trình điều tra, Trần Văn T khai nhận về nguồn gốc ma túy như sau: Ngày 17/12/2018, T đón xe ô tô khách đi từ nhà đến Bến xe khách thành phố N để mua Heroine về sử dụng cho bản thân. Đến nơi, T gặp và hỏi một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ và đã mua được của người đàn ông này 04 gói nhỏ Heroine (được gói ngoài bằng giấy bạc màu vàng) với số tiền 500.000 đồng. Sau đó T đón xe ô tô khách đi về nhà. Đến ngày 18/12/2018, T lấy 01 gói Heroine ra sử dụng bằng hình thức tiêmchích vào cơ thể. Số Heroine còn lại tài cất giấu vào trong người, sang ngày 19/12/2018 T đang đi tìm chỗ vắng người để sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Tại Bản Kết luận giám định số 112/GĐKTHS ngày 21/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Mẫu vật gửi giám định (03 gói nhỏ thu giữ của Trần Văn T) gửi giám định là chất ma túy, loại Heroin, số thứ tự 09 thuộc IA, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; khối lượng 0,122g (Không phẩy một hai hai gam).

Tại bản Cáo trạng số 46 /CT-VKSTP ngày 25 tháng 3 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma tuý"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần tranh luận tại phiên toà, đại diện VKSND thành phố Tuyên Quang trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Văn T về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma tuý"* và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị

cáo chấp hành án phạt tù. Khấu trừ cho bị cáo thời gian bị bắt, tạm giữ từ ngày 19/12/2018 đến ngày 25/12/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng: Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì niêm phong có chữ ký của bị cáo và dấu của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên quang, bên trong có chứa Heroine là mẫu giám định hoàn lại.

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu ASUS màu đen, màn hình bị vỡ, điện thoại đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Trả lại cho chị Trần Thị T2 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu VECSTAS màu đen, biển kiểm soát 22HA-00000, xe cũ đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang ngày 03/5/2019).

Bị cáo không trình bày lời bào chữa, nhất trí với luận tội của đại diện VKSND thành phố Tuyên Quang, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên toà Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Bị cáo không khiếu nại, thắc mắc gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo khai: Bản thân là người nghiện chất ma tuý từ năm 2014 nên bị cáo hay đi sang khu vực bến xe khách thành phố N để mua ma tuý về sử dụng. Ngày 17/12/2018 bị cáo đón xe ô tô khách đi sang N và đã gặp một người đàn ông không biết tên, tuổi địa chỉ ở khu vực này, bị cáo đã hỏi và mua được của người đàn ông này 04 gói nhỏ Heroine với số tiền 500.000đồng, ngày 18/12/2018 bị cáo sử dụng 01 gói, ngày 19/12/2018 bị cáo mang 03 gói ma túy còn lại đi tìm chỗ vắng người để sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, vật chứng, ... Bị cáo xác nhận kết luận giám định số 112/GĐKTHS ngày 21/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Tuyên Quang là khách

quan và chính xác. Bị cáo thấy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là đúng người, đúng tội, không oan. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ 0,122g Heroine là vi phạm pháp luật nhưng để thoả mãn nhu cầu ma tuý của bản thân nên bị cáo vẫn thực hiện phạm tội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý, gây mất trật tự trị an ở địa phương, bản thân bị cáo có nhân thân xấu, năm 2004 bị Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; năm 2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, như vậy bị cáo thể hiện ý thức tu dưỡng kém nên cần đưa ra xét xử nghiêm và áp dụng hình phạt tù tương xứng để cải tạo, giáo dục bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt bổ sung:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản Điều 51 của Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo không có thu nhập ổn định và không có tài sản gì nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo, phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý, Công an tỉnh Tuyên Quang đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Hội đồng xét xử thấy như vậy là phù hợp.

[5] Trong vụ án này, còn có người đàn ông mà theo bị cáo khai nhận là người bán Heroine cho bị cáo, do không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý.

[6] Về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo:

Về vật chứng: Quá trình điều tra đã thu giữ 01 phong bì niêm phong có chữ ký của bị cáo và dấu của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên quang, bên trong có chứa Heroine là mẫu giám định hoàn lại, đây là vật cấm tàng trữ cần tịch thu tiêu hủy.

Ngoài ra còn thu giữ 01 điện thoại di động của bị cáo xét thấy bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Thu giữ 01 chiếc xe môtô biển kiểm soát 22HA- 00000, chiếc xe này là của chị Trần Thị T2, chị T2 cho bị cáo mượn đi nhưng không biết bị cáo mang ma túy đi sử dụng nên cần trả lại cho chị T2.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm c, khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù. Khấu trừ cho bị cáo thời gian bị bắt, tạm giữ từ ngày 19/12/2018 đến ngày 25/12/2018.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình:

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong có chữ ký của bị cáo và hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang (bên trong có Heroine là mẫu giám định hoàn lại).

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu ASUS màu đen, màn hình bị vỡ, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Trả lại cho chị Trần Thị T2 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu VECSTAS màu đen, biển kiểm soát 22HA-00000, xe cũ đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng thể hiện tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/5/2019 giữa Cơ quan Công an thành phố Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang).

Căn cứ các Điều 136, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND thành phố TQuang;
- VKSND tỉnh TQuang;
- Cơ quan CSĐT Công an TPTQuang;
- Cơ quan THAHS TPTQuang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Tquang;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương Giang